

Số: ~~44~~/2019/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày ~~31~~ tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng Công trình
sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi tỉnh quản lý và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn
định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc ngành y tế, ngành
giáo dục và đào tạo**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13
ngày 22/6/2016;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ
quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự
nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 309/TTr-STC-
QLG&CS ngày 12/9/2019;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng Công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 năm 2019.

Các nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Cơ quan Đảng, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . ๕

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM, LT (120^b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng Công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp để làm cơ sở đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, cải tạo cơ sở hoạt động sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hoà Bình;

- Riêng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

Đơn vị sự nghiệp thuộc các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động - thương binh và xã hội, phát thanh - truyền hình và các lĩnh vực khác.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng Công trình sự nghiệp

Tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và giao dự toán ngân sách; đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Quyết định này là diện tích tối thiểu và tối đa; cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, thuê hoặc bố trí sử dụng, căn cứ nhiệm vụ được giao, nhu cầu sử dụng, khả năng ngân sách, quỹ nhà đất hiện có để quyết định cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Tổng diện tích công trình sự nghiệp được xác định dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo định hướng chức năng, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm xác định tiêu chuẩn định mức.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp

1. Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực khác được xác định là diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Loại diện tích	Diện tích tối thiểu (m ²)	Diện tích tối đa (m ²)
I	Diện tích công trình sự nghiệp văn hóa, xã hội và thể dục thể thao thuộc Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch		
1	Trường năng khiếu huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao tỉnh		
	Nhà Thi đấu đa năng	1.500	2.000
	Phòng học phục vụ giảng dạy về nghiệp vụ văn hóa thể dục thể thao du lịch (04 phòng)	80	100
2	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh		
	Phòng Tuyên truyền cổ động triển lãm	25	30
	Phòng Nghệ thuật - Quản chúng	25	30
	Phòng đội tuyên truyền - Lưu động	25	30
	Rạp hát	1.500	2.000
3	Thư viện		
	Phòng đọc sách	200	300
	Phòng xử lý sách	80	100
	Kho chứa sách	200	250

	Kho sách tự chọn	60	75
	Kho sách luân chuyển	50	60
	Phòng máy vi tính phục vụ bạn đọc	80	100
	Phòng số hóa tài liệu	40	50
4	Bảo tàng tỉnh		
	Kho hiện vật (3 kho) (Diện tích cho 1 kho)	600	800
	Phòng chiếu phim tư liệu (150 người)	200	250
5	Đoàn nghệ thuật các dân tộc tỉnh		
	Phòng tập hát đơn ca (2 phòng) (Diện tích cho một phòng)	15	20
	Phòng tập hát tập ca (2 phòng) (Diện tích cho 1 phòng)	30	40
	Phòng tập kịch	100	110
	Phòng tập múa	100	110
	Phòng tập cho ban nhạc	100	110
	Phòng tập độc tấu (2 phòng) (Diện tích cho 1 phòng)	30	40
	Phòng hóa trang thay đồ nam, nữ	50	60
	Kho phong màn	40	50
	Phòng Thu âm	25	30
	Kho trang phục	15	20
	Kho đồ sân khấu	40	50
	Kho âm thanh	40	50
	Kho ánh sáng	40	50
	Kho nhạc cụ	40	50
	Kho đạo cụ	40	50
	Nhà biểu diễn (Phần khán giả)	800	1.000
	Nhà biểu diễn (Phần sân khấu)	200	250
	Phòng chờ diễn (2 phòng) (Diện tích cho 1	50	60

	phòng)		
	Phòng hóa trang cho 50 diễn viên	100	120
	Phòng tạo chân dung nhân vật	15	20
	Phòng vẽ	150	200
II	Diện tích công trình sự nghiệp Giao thông vận tải		
1	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	3.500	10.500
2	Trung tâm Đào tạo lái xe mô tô hạng A1	4.000	5.000
III	Diện tích công trình sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Trung tâm giống cây trồng và vật nuôi và thủy sản		
	Phòng nuôi cấy mô và kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng	100	150
	Nhà dân cảnh		
	Phòng kiểm nghiệm giống gia súc, gia cầm và thủy sản	300	400
	Nhà kho	250	300
2	Trung tâm khuyến nông		
	Phòng trưng bày và tư vấn dịch vụ nông nghiệp	100	150
	Phòng dạy nghề và huấn luyện nông dân	250	300
	Phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm giống cây trồng	250	300
IV	Diện tích công trình sự nghiệp Khoa học và công nghệ		
1	Trung tâm Ứng dụng Thông tin khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ		
	Phòng Studio	20	35
	Phòng lưu trữ tài liệu	15	25
	Phòng đặt máy chủ	15	35

	Phòng dựng phim	15	25
	Kho dữ liệu khoa học và công nghệ	15	35
	Phòng sản xuất chế phẩm sinh học	60	80
	Phòng chuyển giao dịch vụ khoa học công nghệ	20	30
	Phòng kiểm định chất lượng phân bón	40	50
	Phòng nghiên cứu chất lượng phân bón	14	20
	Phòng khai thác phát minh bằng sáng chế công nghệ mới	60	80
	Phòng nghiên cứu công nghệ sinh học	40	50
	Phòng nghiên cứu công nghệ vi sinh	20	30
	Phòng cấy tế bào thực vật vào dung dịch	15	30
	Phòng đẻ môi trường nuôi cấy	14	20
	Phòng pha chế, hấp sấy dung dịch nuôi cấy mô	25	30
	Phòng nuôi cấy mô	25	30
	Phòng hậu kiểm chất lượng	15	25
	Phòng phân tích, phân loại mẫu	50	60
	Phòng xử lý nguyên liệu đầu vào	50	60
	Phòng lưu và bảo quản mẫu	30	40
	Phòng thí nghiệm hóa	30	40
	Phòng thí nghiệm sinh	30	40
	Kho dụng cụ	20	30
2	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		
	Phòng kỹ thuật ứng dụng khoa học và công nghệ	30	40
	Phòng kiểm định đồng hồ nước	15	25
	Phòng kiểm định kết quả CCX F2, M1, M2	15	25
	Phòng kiểm định đồng hồ điện	35	45

	Phòng kiểm định điện tim, điện não	15	25
	Phòng LAB phân tích	15	25
	Phòng LAB vi sinh	15	25
	Phòng LAB Hóa lý	35	45
V	Diện tích công trình sự nghiệp xây dựng		
1	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng		
	Phòng đặt máy thử nghiệm	80	100
	Phòng gia công mẫu	40	60
	Phòng để phụ gia	20	30
	Phòng kho tổng hợp	30	35
	Bãi chứa mẫu thử và đúc mẫu	80	100
VI	Diện tích công trình sự nghiệp Phát thanh và truyền hình		
	Nhà kỹ thuật	150	200
	Nhà đặt máy phát sóng	250	350
	Trung tâm dịch vụ truyền hình và điều hành	500	700
	Nhà đặt giàn giải nhiệt máy phát sóng	35	45
	Nhà xe màu	150	250
	Phim trường thời sự	100	150
	Trường quay ngoài trời	3.000	3.500
	Nhà hát truyền hình	1.200	1.500
	Trung tâm Kỹ thuật	1.500	2.000
	Nhà trạm biến áp	30	40
	Nhà kho	800	1.000
VII	Diện tích công trình sự nghiệp ngành Lao động TBXH		

1	Trường Cao đẳng nghề, Trường Cao Đẳng kinh tế kỹ thuật		
	Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật	48	50
	Phòng chuẩn bị giảng dạy (tính diện tích cho một giáo viên)	1,2	1,5
	Phòng hội đồng	18	45
	Phòng nghỉ cho giáo viên	18	25
	Giảng đường		
	Giảng đường (tính diện tích cho một chỗ ngồi trong giảng đường)	1	1,2
	Thư viện		
	Phòng đọc điện tử tính cho một chỗ ngồi (dùng máy tính)	2	3
	Phòng đọc của cán bộ giáo viên (tính cho một chỗ ngồi)	2	2,4
	Phòng đọc của người học (tính cho một chỗ ngồi)	1,5	2
	Kho sách ($m^2/1000$ đơn vị sách)	2	2,5
	Hội trường		
	Phòng khán giả (tính cho 1 chỗ)	0,6	0,8
	Sân khấu (tính cho 1 chỗ)	0,2	0,25
	Kho dụng cụ sân khấu (tính cho một phòng)	12	15
	Kho thiết bị dụng cụ ($m^2/chỗ$)	0,2	0,25
	Phòng truyền thanh, hình ảnh	15	18
	Sảnh, hành lang kết hợp chỗ nghỉ (tính cho một chỗ)	0,2	0,25
	Phòng diễn viên, phòng thay đồ	24	30
	Khu vệ sinh (tính cho một phòng ký túc xá)	2	6
	Ký túc xá		
	Phòng ký túc xá (Không quá 8 người/1 phòng; không quá 40 $m^2/phòng$; tiêu chuẩn	4	5

	diện tích tính cho 1 người)		
	Khu vệ sinh trong mỗi phòng ký túc xá	6	8
	Nhà ăn (bếp ăn)		
	Khu vực gia công và kho (tính cho một chỗ)	0,8	1
	Khu vực ăn và giải khát (tính cho một chỗ)	0,8	1,2
	Khu vực hành chính (tính cho một chỗ)	0,2	0,8
	Khu vực phục vụ	0,5	1
	Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao (tính cho một người học)	1,5	2
VIII	Diện tích công trình sự nghiệp ngành Công thương		
1	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp		
	Nhà dịch vụ tổng hợp	980	1.000
	Sân triển lãm ngoài trời	10.0000	11.000
IX	Diện tích công trình sự nghiệp ngành Thông tin và Truyền thông		
1	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông		
	Phòng Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao công nghệ	30	40
	Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ	40	50
	Phòng thông tin điện tử	40	60
	Phòng máy tính phục vụ đào tạo	85	100
	Phòng LAB mạng, bảo mật	45	60
	Phòng kho chứa máy móc thiết bị đào tạo	30	40
	Trung tâm tích hợp dữ liệu	165	225
	Phòng máy chủ (Server room)	50	65
	Phòng mạng (Network room)	35	45
	Phòng kho (Warehouse) chứa các thiết bị máy chủ	8	12

	Phòng cài đặt, bảo dưỡng bảo trì (Staging room)	8	12
	Phòng điện – M&E	25	40
	Phòng điều hành (NOC- room)	40	50
X	Diện tích công trình sự nghiệp ngành Tài nguyên và Môi trường		
1	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường		
	Phòng kỹ thuật	200	250
2	Trung tâm công nghệ thông tin		
	Phòng máy chủ quản trị hệ thống công nghệ thông tin	40	45
	Kho lưu trữ bản đồ ngành Tài nguyên và Môi trường (1 kho)	55	60
	Kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tài nguyên và Môi trường (4kho) (Diện tích tính cho 1 kho)	55	60
3	Văn phòng Đăng ký đất đai		
	Phòng đặt máy chủ quản trị hệ thống thông tin lưu trữ	40	50
	Kho lưu trữ hồ sơ địa chính tại các Chi nhánh (11 kho) (diện tích tính cho 1 kho)	80	100
	Kho lưu trữ hồ sơ địa chính của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh.	150	200
	Kho thiết bị dụng cụ, tài liệu tại các chi nhánh (11 kho) (diện tích tính cho 1 kho)	40	60
	Khi thiết bị dụng cụ, tài liệu của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	80	100
4	Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường		
	Phòng xử lý mẫu	30	60
	Phòng cân	30	60
	Phòng phân tích mẫu	30	60
	Phòng hóa chất	30	60
	Phòng lưu trữ tài liệu	30	60

XI	Diện tích công trình sự nghiệp khác		
	Trung tâm dịch vụ hành chính công	2.000	2.500

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo

Giám đốc các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc ngành y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức phải đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- a) Sở Tài chính hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này.
- b) Tham gia ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi phê duyệt hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích Công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

- a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm đối với việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm hoặc thuê diện tích công trình sự nghiệp theo quy định.
- b) Trường hợp có thay đổi về nhu cầu sử dụng công trình sự nghiệp cần phải điều chỉnh thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quy định về chuyển tiếp: Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc hoặc phải điều chỉnh phù hợp với thực tế phục vụ công tác, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

